

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ QUY NHƠN

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: AN TOÀN LAO ĐỘNG
NGHỀ: HÀN
TRÌNH ĐỘ: CAO ĐẲNG

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 99/QĐ-CDKTCNQN ngày 14 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn*

Bình Định, năm 2018

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

LỜI MỞ ĐẦU

Mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo nghề nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động kỹ thuật và hội nhập quốc tế.

Là một Trường đã có bề dày hơn 55 năm đào tạo nghề của Tỉnh Bình Định, khu vực Miền trung và Tây nguyên, với quy mô trang thiết bị luôn được đầu tư mới; năng lực đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao trình độ. Việc biên soạn giáo trình phục vụ cho công tác đào tạo của nhà Trường nhằm đáp ứng các yêu cầu sau đây:

- Yêu cầu của người học.
- Nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực nghề Hàn và chế tạo thiết bị cơ khí.
- Cung cấp lao động kỹ thuật cho Doanh nghiệp và xuất khẩu lao động.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Giám Hiệu nhà trường trong thời gian qua các giáo viên trong khoa cơ khí đã dành thời gian tập trung biên soạn giáo trình, cải tiến phương pháp giảng dạy nhằm tạo điều kiện cho học sinh – sinh viên hiểu biết kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề.

Nhóm biên soạn đã vận dụng sáng tạo vào việc biên soạn giáo trình các mô đun chuyên môn Hàn. Nội dung giáo trình có thể đáp ứng để đào tạo cho từng cấp trình độ và có tính liên thông cho 3 cấp trình độ (Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng).

Mặt khác nội dung của mô đun phải đạt được các tiêu chí quan trọng theo mục tiêu, hướng tới đạt chuẩn quốc tế cho ngành cơ khí. Vì thế giáo trình mô đun đã bao gồm các nội dung như sau:

- Trình độ kiến thức
- Kỹ năng thực hành
- Tính quy trình trong công nghiệp
- Năng lực người học và tư duy về mô đun được đào tạo ứng dụng trong thực tiễn.
- Phẩm chất văn hóa nghề được đào tạo.

Trong quá trình biên soạn giáo trình Khoa đã tham khảo ý kiến từ các Doanh nghiệp trong nước, chuyên gia các trường Đại học, học viện... Nhóm biên soạn đã hết sức cố gắng để giáo trình đạt được chất lượng tốt nhất. Do thời gian hoàn thành giáo trình khá gấp rút nên không thể tránh khỏi thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp từ các đồng nghiệp, các bạn đọc để giáo trình được hoàn thiện hơn.

Trân trọng cảm ơn!

Bình Định, tháng 3/2018

Biên soạn
Nguyễn Phước Vân

GIÁO TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: AN TOÀN LAO ĐỘNG

Mã số mô đun: MH 12

Thời gian mô đun: 90h; (Lý thuyết: 80h; Thực hành: 10h)

Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được bố trí trước các mô-đun chuyên môn.
- Tính chất: Là môn học lý thuyết cơ sở cung cấp cho người học những kiến thức về an toàn trong ngành hàn, cũng như việc sử dụng các dụng cụ thiết bị an toàn. Thực hiện các kỹ năng sơ cứu khi có tai nạn xảy ra.

Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

- + Những quy định, quy trình an toàn trong nghề hàn.
- + Những yếu tố tác động đến sức khỏe, môi trường của hàn khí và hàn điện.
- + Các biện pháp kiểm soát mối nguy hiểm khi hàn khí, hàn điện và thiết bị cơ khí.
- + Công dụng và cách sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
- + Cách nhận biết các tình huống khẩn cấp khi không có tín hiệu tự động.
- + Quy trình xử lý khi xảy ra tình huống khẩn cấp, hỏa hoạn và tai nạn.
- + Kỹ thuật phòng chống cháy nổ.
- + Kỹ thuật sơ cứu người bị tai nạn lao động.

- Về kỹ năng:

- + Thực hiện quy trình an toàn lao động.
- + Sử dụng thiết bị an toàn lao động.
- + Thay thế, sửa chữa thiết bị an toàn.
- + Xác định mối nguy hiểm tại nơi làm việc.
- + Xác định tình huống khẩn cấp khi không có tín hiệu cảnh báo tự động.
- + Thực hiện các biện pháp phòng chống cháy nổ.
- + Thực hiện sơ cấp cứu khi bị điện giật, sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động
- + Kỹ năng giao tiếp.
- + Kỹ năng xử lý tình huống.

- **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:** Có ý thức tự giác, tính kỷ luật cao, tinh thần trách nhiệm trong công việc, sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tham gia học tập đầy đủ.

Nội dung môn học

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1: BẢO HỘ LAO ĐỘNG	6
1.1. Mục đích, ý nghĩa của công tác BHLĐ	6
1.2. Tính chất của công tác BHLĐ	6
1.3. Nhiệm vụ của công tác BHLĐ	7
1.4. Nội dung của công tác bảo hộ lao động	10
1.5. Chế độ chính sách BHLĐ của việt nam	10
CÂU HỎI ÔN TẬP	18
CHƯƠNG 2: KỸ THUẬT AN TOÀN	20
2.1. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng các thiết bị cơ khí.....	20
2.2. Kỹ thuật an toàn khi hàn hồ quang điện.....	28
2.3. Kỹ thuật an toàn khi hàn khí.....	29
2.4. Kỹ thuật an toàn khi sử dụng các thiết bị cầm tay.....	33
2.5. Kỹ thuật an toàn về điện.....	38
CÂU HỎI ÔN TẬP	
CHƯƠNG 3: KỸ THUẬT AN TOÀN PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ VÀ SƠ CỨU NGƯỜI BỊ NẠN	48
3.1. Những khái niệm cơ bản về quá trình cháy nổ.....	48
3.2. Những nguyên nhân gây cháy, nổ.....	48
3.3. Phòng và chống cháy nổ.....	50
3.4. Quản lý, sử dụng thiết bị phương tiện phòng chống cháy nổ.....	51
3.5. Sơ cứu người bị bỏng.....	56
CÂU HỎI ÔN TẬP	56
CHƯƠNG 4: VỆ SINH CÔNG NGHIỆP	57
4.1. Những khái niệm cơ bản về kỹ thuật VSCN.....	57
4.2. Các nhân tố ảnh hưởng và biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp.	58
CÂU HỎI ÔN TẬP	80
CHƯƠNG 5: HOẠT ĐỘNG BẢO HỘ LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP	81
5.1. Bộ máy tổ chức quản lý công tác bảo hộ lao động trong doanh nghiệp.....	81
5.2. Nội dung, ý nghĩa công tác bảo hộ lao động tại doanh nghiệp.....	87
CÂU HỎI ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA	96
PHỤ LỤC CÁC BIỂN BÁO AN TOÀN	97

CHƯƠNG 1: BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Mã chương MH12-1

Giới thiệu

Hiểu biết các quy định và kỹ thuật phòng ngừa và xử lý các tai nạn lao động là một việc làm rất cần thiết đối với người lao động tham gia trực tiếp quá trình sản xuất. Bảo hộ lao động trong quá trình sản xuất nhằm bảo vệ người lao động. Mặt khác chăm lo sức khỏe cho người lao động, mang lại hạnh phúc cho bản thân người lao động và gia đình. Kỹ thuật an toàn và bảo hộ lao động sẽ cung cấp cho chúng ta những kiến thức cơ bản để giải quyết các vấn đề trên.

Mục tiêu của bài

Sau khi học xong bài này người học có khả năng :

- Trình bày đúng mục đích và ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.
- Hiểu được tính chất, trách nhiệm và nội dung của công tác bảo hộ lao động.
- Nắm được chế độ chính sách
- Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến sức khỏe và biện pháp phòng chống bệnh nghề nghiệp
- Rèn luyện tính cẩn thận, ý thức trong công việc

1.1. Mục đích, ý nghĩa của công tác BHLĐ

1.1.1. Mục đích

- Thông qua các biện pháp về KHKT, tổ chức, kinh tế, xã hội để loại trừ các yếu tố có hại phát sinh trong quá trình sản xuất tạo nên điều kiện lao động thuận lợi, ngăn ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp nhằm bảo vệ sức khỏe, đảm bảo an toàn tính mạng người lao động và cơ sở vật chất, trực tiếp góp phần bảo vệ lực lượng sản xuất, tăng năng suất lao động.

1.1.2 Ý nghĩa

- Mang ý nghĩa hiệu quả XH, KT cao, bảo đảm sức khỏe của người lao động mà không làm giảm năng suất lao động.
- Mang ý nghĩa nhân đạo sâu sắc, mang lại niềm vui và hạnh phúc không chỉ cho người lao động mà còn cho cả gia đình họ.

1.2. Tính chất của công tác BHLĐ

1.2.1. Tính chất pháp lý.

Những quy định và nội dung về BHLĐ được thể chế hoá chúng thành những luật lệ, chế độ chính sách, tiêu chuẩn và được hướng dẫn cho mọi cấp mọi ngành mọi tổ chức và cá nhân nghiêm chỉnh thực hiện. Những chính sách, chế độ, quy phạm, tiêu chuẩn, được ban hành trong công tác bảo hộ lao động là luật pháp của Nhà nước. Xuất phát từ quan điểm: Con người là vốn quý nhất, nên luật pháp về bảo hộ lao động được nghiên cứu, xây dựng nhằm bảo vệ con người trong sản xuất, mọi cơ sở kinh tế và mọi

người tham gia lao động phải có trách nhiệm tham gia nghiên cứu, và thực hiện. Đó là tính pháp lý của công tác bảo hộ lao động.

1.2.2. Tính chất KHKT.

Mọi hoạt động của BHLĐ nhằm loại trừ các yếu tố nguy hiểm, có hại, phòng và chống tai nạn, các bệnh nghề nghiệp... đều xuất phát từ những cơ sở của KHKT. Các hoạt động điều tra khảo sát phân tích điều kiện lao động, đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố độc hại đến con người để đề ra các giải pháp chống ô nhiễm, giải pháp đảm bảo an toàn đều là những hoạt động khoa học kỹ thuật.

Hiện nay, việc vận dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật mới vào công tác bảo hộ lao động ngày càng phổ biến. Trong quá trình kiểm tra mỗi hàn bằng tia gamma (γ), nếu không hiểu biết về tính chất và tác dụng của các tia phóng xạ thì không thể có biện pháp phòng tránh có hiệu quả. Nghiên cứu các biện pháp an toàn khi sử dụng cần trục, không thể chỉ có hiểu biết về cơ học, sức bền vật liệu mà còn nhiều vấn đề khác như sự cân bằng của cần cẩu, tầm với, điều khiển điện, tốc độ nâng chuyên...

Muốn biến điều kiện lao động cực nhọc thành điều kiện làm việc thoải mái, muốn loại trừ vĩnh viễn tai nạn lao động trong sản xuất, phải giải quyết nhiều vấn đề tổng hợp phức tạp không những phải hiểu biết về kỹ thuật chiếu sáng, kỹ thuật thông gió, cơ khí hoá, tự động hoá... mà còn cần phải có các kiến thức về tâm lý lao động, thẩm mỹ công nghiệp, xã hội học lao động... Vì vậy công tác bảo hộ lao động mang tính chất khoa học kỹ thuật tổng hợp.

1.2.3. Tính chất quần chúng.

Tất cả mọi người từ người sử dụng lao động đến người lao động đều là đối tượng cần được bảo vệ. Đồng thời họ cũng là chủ thể phải tham gia vào công tác BHLĐ để bảo vệ mình và bảo vệ người khác.

BHLĐ có liên quan đến tất cả mọi người tham gia sản xuất. Công nhân là những người thường xuyên tiếp xúc với máy móc, trực tiếp thực hiện các qui trình công nghệ... do đó họ có nhiều khả năng phát hiện những sơ hở trong công tác bảo hộ lao động, đóng góp xây dựng các biện pháp về kỹ thuật an toàn, tham gia góp ý kiến về mẫu mã, quy cách dụng cụ phòng hộ, quần áo làm việc...

Mặt khác dù các qui trình, quy phạm an toàn được đề ra tỉ mỉ đến đâu, nhưng công nhân chưa được học tập, chưa được thẩm nhuần, chưa thấy rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của nó thì rất dễ vi phạm.

Muốn làm tốt công tác bảo hộ lao động, phải vận động được đông đảo mọi người tham gia. Cho nên BHLĐ chỉ có kết quả khi được mọi cấp, mọi ngành quan tâm, được mọi người lao động tích cực tham gia và tự giác thực hiện các luật lệ, chế độ tiêu chuẩn, biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc, phòng chống tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

BHLĐ là hoạt động hướng về cơ sở sản xuất và trước hết là người trực tiếp lao động. Nó liên quan với quần chúng lao động. BHLĐ bảo vệ quyền lợi và hạnh phúc cho mọi người, mọi nhà, cho toàn xã hội, vì thế BHLĐ luôn mang tính quần chúng sâu rộng.

Ba tính chất trên liên quan mật thiết với nhau, phải biết kết hợp 3 tính chất trên mới làm tốt công tác BHLĐ.

1.3. Nhiệm vụ của công tác BHLĐ

a- Nghiên cứu khoa học kỹ thuật BHLĐ: Nội dung khoa học kỹ thuật chiếm một vị trí rất quan trọng, là phần cốt lõi để loại trừ các yếu tố nguy hiểm và có hại, cải thiện điều kiện lao động.

Khoa học kỹ thuật BHLĐ là lĩnh vực khoa học rất tổng hợp và liên ngành, được hình thành và phát triển trên cơ sở kết hợp và sử dụng thành tựu của nhiều ngành khoa học khác nhau, từ khoa học tự nhiên (như toán, vật lý, hoá học, sinh học...) đến khoa học kỹ thuật chuyên ngành (như y học, các ngành kỹ thuật chuyên môn...) và còn liên quan đến các ngành kinh tế, xã hội, tâm lý học ...

Những nội dung nghiên cứu chính của Khoa học BHLĐ bao gồm những vấn đề:

- **Khoa học vệ sinh lao động:** Môi trường xung quanh ảnh hưởng đến điều kiện lao động, và do đó ảnh hưởng đến con người, dụng cụ, máy móc thiết bị, ảnh hưởng này còn có khả năng lan truyền trong một phạm vi nhất định. Sự chịu đựng quá tải (điều kiện dẫn đến nguyên nhân gây bệnh) dẫn đến khả năng sinh ra bệnh nghề nghiệp. Đề phòng bệnh nghề nghiệp cũng như tạo ra điều kiện tối ưu cho sức khỏe và tình trạng lành mạnh cho người lao động chính là mục đích của vệ sinh lao động (bảo vệ sức khỏe).

Các yếu tố tác động xấu đến hệ thống lao động cần được phát hiện và tối ưu hoá. Mục đích này không chỉ nhằm đảm bảo về sức khỏe và an toàn lao động mà đồng thời tạo nên những cơ sở cho việc làm giảm sự căng thẳng trong lao động, nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế, điều chỉnh những hoạt động của con người một cách thích hợp.

- **Cơ sở kỹ thuật an toàn**

* Các định nghĩa về lý thuyết trong an toàn:

+ **An toàn:** Là xác suất cho những sự kiện được định nghĩa (sản phẩm, phương pháp, phương tiện lao động...) trong một khoảng thời gian nhất định không xuất hiện những tổn thương đối với người, môi trường và phương tiện. Theo TCVN 3153-79 định nghĩa kỹ thuật an toàn như sau: Kỹ thuật an toàn là hệ thống các biện pháp, phương tiện, tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm gây chấn thương sản xuất đối với người lao động.

+ **Sự nguy hiểm:** Là trạng thái hay tình huống có thể xảy ra tổn thương thông qua các yếu tố gây hại hay yếu tố chịu đựng.

+ **Sự gây hại:** Khả năng tổn thương đến sức khỏe của người hay xuất hiện bởi những tổn thương môi trường đặc biệt và sự kiện đặc biệt

+ **Rủi ro:** Là sự phối hợp của xác suất và mức độ tổn thương(ví dụ tổn thương sức khỏe) trong một tình huống gây hại.

* Đánh giá sự gây hại, an toàn và rủi ro:

Sự gây hại sinh ra do tác động qua lại giữa con người và các phần tử khác của hệ thống lao động được gọi là hệ thống Người-Máy-Môi trường

Có nhiều phương pháp đánh giá khác nhau:

- Phân tích tác động: Là phương pháp mô tả và đánh giá những sự cố không mong muốn xảy ra. Ví dụ tai nạn lao động, tai nạn trên đường đi làm, bệnh nghề nghiệp, hỏng hóc, nổ v.v...

Những tiêu chuẩn đặc trưng cho tai nạn lao động là:

- Sự cố gây tổn thương và tác động từ bên ngoài.
- Sự cố đột ngột.
- Sự cố không bình thường.
- Hoạt động an toàn

Sự liên quan giữa sự cố xảy ra tai nạn và nguyên nhân của nó cũng như sự phát hiện điểm chủ yếu của tai nạn dựa vào đặc điểm sau:

- Quá trình diễn biến của tai nạn một cách chính xác cũng như địa điểm xảy ra tai nạn.

- Loại tai nạn liên quan đến yếu tố gây tác hại và yếu tố chịu tải.
- Mức độ an toàn và tuổi bền của các phương tiện lao động, các phương tiện vận hành.
- Tuổi, giới tính, năng lực và nhiệm vụ được giao của người lao động bị tai nạn.
- Loại chấn thương.

• Phân tích tình trạng: Là phương pháp đánh giá chung tình trạng an toàn và kỹ thuật an toàn của hệ thống lao động. ở đây cần quan tâm là khả năng xuất hiện những tổn thương. Phân tích chính xác những khả năng dự phòng trên cơ sở những điều kiện lao động và những giả thiết khác nhau.

- **Khoa học về các phương tiện bảo vệ người lao động.** Ngành khoa học này có nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, chế tạo những phương tiện bảo vệ tập thể hay cá nhân người lao động để sử dụng trong sản xuất nhằm chống lại những ảnh hưởng của các yếu tố nguy hiểm và có hại, khi các biện pháp về mặt kỹ thuật an toàn không thể loại trừ được chúng. Để có được những phương tiện bảo vệ hiệu quả, có chất lượng và thẩm mỹ cao, người ta sử dụng thành tựu của nhiều ngành khoa học từ khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học...), khoa học về vật liệu, kỹ thuật công nghiệp... đến các ngành sinh lý học, nhân chủng học

- Thiết kế quá trình lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn cho người lao động, tạo cho họ cảm giác dễ chịu, thoải mái và dễ dàng thực hiện mục tiêu lao động. Cần phải loại trừ sự quá tải, gây nên bởi tính chất công việc vượt quá giới hạn trên hoặc dưới của chức năng hoạt động tâm lý của người lao động.

b- Nghiên cứu xây dựng nội dung và thực hiện công tác BHLĐ: chế độ chính sách, vệ sinh công nghiệp, kỹ thuật an toàn, PCCC.

ở mỗi quốc gia công tác BHLĐ được đưa ra một luật riêng hoặc thành một chương về BHLĐ trong bộ luật lao động, ở một số nước, ban hành dưới dạng một văn bản dưới luật như pháp lệnh điều lệ...

Các nhà lý luận tư sản lập luận rằng: “Tai nạn lao động trong sản xuất là không thể tránh khỏi, khi năng suất lao động tăng thì tai nạn lao động cũng tăng lên theo”. Họ nêu lên lý lẽ như vậy nhằm xoa dịu sự đấu tranh của giai cấp công nhân và che dấu tình trạng sản xuất thiếu các biện pháp an toàn.

Thực ra, số tai nạn xảy ra hàng năm ở các nước tư bản tăng lên có những nguyên nhân của nó. Chẳng hạn, công nhân phải làm việc với cường độ lao động quá cao, thời gian quá dài, thiết bị sản xuất thiếu các cơ cấu an toàn cần thiết. Nơi làm việc không đảm bảo điều kiện vệ sinh, chưa có chế độ bồi dưỡng thích đáng đối với người lao động v.v...

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, khi người lao động đã được hoàn toàn giải phóng và trở thành người chủ xã hội, lao động đã trở thành vinh dự.

- **Mối quan hệ giữa BHLĐ và môi trường**

Vấn đề môi trường nói chung hay môi trường lao động nói riêng là một vấn đề thời sự cấp bách được đề cập đến với quy mô toàn cầu.

Các nhà khoa học từ lâu đã biết được sự thải các khí gây “Hiệu ứng nhà kính” có thể làm trái đất nóng dần lên. Hiệu ứng nhà kính là kết quả hoạt động của con người trong quá trình sử dụng các loại nhiên liệu hoá thạch (dầu mỏ, than đá, khí đốt ...) đã thải ra bầu khí quyển một khối lượng rất lớn các chất độc hại (trong số đó quan trọng nhất là CO₂). Những khí độc này có xu hướng phản xạ ánh sáng, làm trái đất nóng dần lên.

Các nhà khoa học cho rằng trong vòng 50 năm nữa sự phát thải đó sẽ làm cho nhiệt độ tăng lên từ 1,5⁰ đến 4,5⁰. Trong suốt 30 năm qua, cứ 10 năm khu vực này lại

tăng thêm 1độ Fahrenheit (1⁰F tương đương 0,55⁰C). Giờ đây các dòng sông băng ở Alaska và Bắc Xiberie đang bắt đầu tan chảy. Điều này sẽ dẫn đến mực nước biển dâng cao, nhấn chìm một số miền duyên hải và những hòn đảo, là mầm mống của những trận bão lụt thế kỷ và những nguy cơ của thảm họa sinh thái. Trong năm 1997, hiện tượng EnNino đã làm nhiệt độ trung bình của bầu khí quyển tăng 0,43⁰C.

Mẫu chốt của tai họa, một phần chính nằm ở các hoạt động của con người. Mỗi năm, con người đổ ít nhất 7 tỉ tấn Cácbon vào bầu khí quyển. Ngày nay khí CO₂ trong không khí nhiều hơn khoảng 30% so với năm 1860. Thế giới công nghiệp cung cấp khoảng một nửa lượng khí thải trên trái đất. Trong bản danh sách về hiệu ứng nhà kính (do vệ tinh Mỹ xác định), vùng bị ô nhiễm nhiều nhất là khu vực ở biển Ban Tích, tiếp theo là bờ biển phía tây Hàn Quốc...

Nếu con người hôm nay không thực hiện các biện pháp hữu hiệu để giảm bớt sự nóng của trái đất, thì không chỉ hôm nay mà cả thế hệ mai sau sẽ phải hứng chịu hậu quả to lớn do sự " nổi giận" của thiên nhiên.

Để có được một giải pháp tốt tạo nên một môi trường lao động phù hợp cho người lao động, đòi hỏi sự tham gia của nhiều ngành khoa học, được dựa trên 4 yếu tố cơ bản sau:

- Ngăn chặn và hạn chế sự lan tỏa các yếu tố nguy hiểm và có hại từ nguồn phát sinh. Biện pháp tích cực nhất là thay đổi công nghệ sản xuất với các nguyên liệu và nhiên liệu sạch, thiết kế và trang bị những thiết bị, dây chuyền sản xuất không làm ô nhiễm môi trường...

- Thu hồi và xử lý các yếu tố gây ô nhiễm.
- Xử lý các chất thải trước khi thải ra để không làm ô nhiễm môi trường.
- Trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân.

1.4. Nội dung của công tác bảo hộ lao động

Bảo hộ lao động gồm 4 phần:

1.4.1. Chế độ chính sách: bao gồm các thể lệ, các quy định bảo hộ lao động của pháp luật Nhà nước như:

- Giờ làm việc và nghỉ ngơi.
- Bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động.
- Chế độ lao động đối với nữ công nhân viên chức.
- Tiêu chuẩn quy phạm về kỹ thuật an toàn và vệ sinh lao động.

Luật lệ bảo hộ lao động được xây dựng trên cơ sở yêu cầu thực tế của quần chúng lao động, căn cứ vào trình độ phát triển kinh tế, trình độ khoa học được sửa đổi, bổ sung dần dần thích hợp với hoàn cảnh sản xuất trong từng thời kỳ kinh tế của đất nước.

1.4.2. Vệ sinh lao động: nhiệm vụ của vệ sinh lao động là

- Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường và điều kiện lao động sản xuất lên cơ thể con người.
- Đề ra những biện pháp về y tế vệ sinh nhằm loại trừ và hạn chế ảnh hưởng của các nhân tố phát sinh những nguyên nhân gây bệnh nghề nghiệp trong sản xuất.

1.4.3. Kỹ thuật an toàn lao động:

- Nghiên cứu phân tích các nguyên nhân chấn thương, sự phòng tránh tai nạn lao động trong sản xuất, nhằm bảo đảm an toàn sản xuất và bảo hộ lao động cho công nhân.
- Đề ra và áp dụng các biện pháp tổ chức và kỹ thuật cần thiết nhằm tạo điều kiện làm việc an toàn cho người lao động để đạt hiệu quả cao nhất.

1.4.4. Kỹ thuật phòng cháy chữa cháy:

- Nghiên cứu phân tích các nguyên nhân cháy, nổ trên công trường.

- Tìm ra biện pháp phòng cháy, chữa cháy có hiệu quả nhất.
- Hạn chế sự thiệt hại thấp nhất do hỏa hoạn gây ra.

1.5. Chế độ chính sách BHLĐ của Việt Nam

- Bộ luật LĐ và các luật pháp có liên quan đến ATVSLĐ.
- Nghị định 06/CP và các nghị định có liên quan.
- Các chỉ thị và thông tư có liên quan.

1.5.1. Nội dung về ATVSLĐ trong bộ luật

- Đối tượng và phạm vi áp dụng.
- ATLĐ, VSLĐ. Được thể hiện trong từng phần hoặc toàn bộ các điều 96, 97, 98, 100, 101, 102, 103, 104 của Bộ luật lao động và được cụ thể hóa trong chương II của NĐ06/CP từ điều 2 đến điều 8 bao gồm các nội dung chính sau:
 - Trong xây dựng, mở rộng, cải tạo các công trình, sử dụng, bảo quản, lưu giữ các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ, VSLĐ, các chủ đầu tư, người sử dụng lao động phải lập luận chứng về các biện pháp đảm bảo ATLĐ, VSLĐ. Luận chứng phải có đầy đủ nội dung với các biện pháp phòng ngừa, xử lý và phải được cơ quan thanh tra ATVSLĐ chấp thuận. Phải cụ thể hóa các yêu cầu, nội dung, biện pháp đảm bảo ATVSLĐ theo luận chứng đã được duyệt khi thực hiện.
 - Việc thực hiện tiêu chuẩn ATLĐ, VSLĐ là bắt buộc. Người sử dụng lao động phải xây dựng qui trình đảm bảo ATVSLĐ cho từng loại máy, thiết bị, vật tư và nội quy nơi làm việc.
 - Việc nhập khẩu các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt VSLĐ phải được phép của cơ quan có thẩm quyền.
 - Nơi làm việc có nhiều yếu tố độc hại phải kiểm tra đo lường các yếu tố độc hại ít nhất mỗi năm một lần, phải lập hồ sơ lưu giữ và theo dõi đúng qui định. Phải kiểm tra và có biện pháp xử lý ngay khi thấy có hiện tượng bất thường.
 - Quy định những việc cần làm ở nơi làm việc có yếu tố nguy hiểm độc hại dễ gây tai nạn lao động để cấp cứu tai nạn, xử lý sự cố như: trang bị phương tiện cấp cứu, lập phương án xử lý sự cố, tổ chức đội cấp cứu...
 - Quy định những biện pháp khác nhằm tăng cường bảo đảm ATVSLĐ, bảo vệ sức khỏe cho người lao động như: trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện về ATVSLĐ, bồi dưỡng hiện vật cho người lao động...
- TNLĐ, BNN được quy định trong các điều 105, 106, 107, 108 của Bộ luật Lao động và được cụ thể hóa trong các điều 9, 10, 11, 12 chương III nghị định 06/CP với những nội dung chính sau:
 - Trách nhiệm người sử dụng lao động đối với người bị tai nạn lao động: Sơ cứu, cấp cứu kịp thời. Tai nạn lao động nặng, chết người phải giữ nguyên hiện trường và báo ngay cho cơ quan Lao động, Y tế, Công đoàn cấp tỉnh và Công an gần nhất.
 - Trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với người mắc bệnh nghề nghiệp là phải điều trị theo chuyên khoa, khám sức khỏe định kỳ và lập hồ sơ sức khỏe riêng biệt.
 - Trách nhiệm người sử dụng lao động bồi thường cho người bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp.
 - Trách nhiệm người sử dụng lao động tổ chức điều tra các vụ tai nạn lao động có sự tham gia của đại diện BCH Công đoàn, lập biên bản theo đúng quy định.
 - Trách nhiệm khai báo, thống kê và báo cáo tất cả các vụ tai nạn lao động các trường hợp bị bệnh nghề nghiệp.
 - Cơ chế ba bên trong công tác BHLĐ. Cơ chế 3 bên bắt nguồn từ mô hình tổ chức và hoạt động của tổ chức lao động quốc tế (ILO). Tổ chức này được thành lập năm 1919,

từ năm 1944 hoạt động như một tổ chức chuyên môn gắn liền với Liên hợp quốc. Các thành viên Liên hợp quốc đương nhiên là thành viên của I LO. Hàng năm I LO họp hội nghị toàn thể. Đoàn đại biểu mỗi nước gồm 3 bên: 1 đại diện chính phủ, 1 đại diện người sử dụng lao động và 1 đại diện người lao động (Công đoàn)

BHLĐ là một vấn đề quan trọng thuộc phạm trù lao động, nó có liên quan đến nghĩa vụ và quyền của 3 bên: Nhà nước, Người sử dụng lao động, Người lao động (đại diện là tổ chức công đoàn), mặt khác BHLĐ là một công tác rất đa dạng và phức tạp, nó đòi hỏi phải có sự cộng tác, phối hợp chặt chẽ của 3 bên thì công tác BHLĐ mới đạt kết quả tốt.

- Nghĩa vụ và quyền của các bên trong công tác BHLĐ.

a/ Nghĩa vụ và quyền của Nhà nước. Quản lý Nhà nước trong BHLĐ:

(Điều 95, 180, 181 của Bộ luật Lao động, điều 17, 18, 19 của ND06/CP)

*Nghĩa vụ và quyền của nhà nước:

- Xây dựng và ban hành luật pháp, chế độ chính sách BHLĐ, hệ thống tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về ATLĐ, VSLĐ.

- Quản lý nhà nước về BHLĐ: Hướng dẫn chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện luật pháp, chế độ chính sách, tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về ATVSLĐ. Kiểm tra, đôn đốc, thanh tra việc thực hiện. Khen thưởng những đơn vị, cá nhân có thành tích và xử lý các vi phạm về ATVSLĐ.

- Lập chương trình quốc gia về BHLĐ đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách Nhà nước. Đầu tư nghiên cứu khoa học kỹ thuật BHLĐ, đào tạo cán bộ BHLĐ.

* Bộ máy tổ chức quản lý công tác BHLĐ ở trung ương, địa phương:

- Hội đồng quốc gia về ATLĐ, VSLĐ (gọi tắt là BHLĐ) được thành lập theo điều 18 của ND06/CP. Hội đồng làm nhiệm vụ tư vấn cho Thủ tướng Chính phủ và tổ chức phối hợp hoạt động của các ngành, các cấp về ATLĐ, VSLĐ.

- Bộ LĐTBXH thực hiện quản lý nhà nước về ATLĐ đối với các ngành và các địa phương trong cả nước, có trách nhiệm:

+ Xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành các văn bản pháp luật, chế độ chính sách BHLĐ, hệ thống quy phạm Nhà nước về ATLĐ, tiêu chuẩn phân loại lao động theo điều kiện lao động.

+ Hướng dẫn chỉ đạo các ngành các cấp thực hiện văn bản trên, quản lý thống nhất hệ thống quy phạm trên.

+ Thanh tra về ATLĐ.

+ Thông tin, huấn luyện về ATVSLĐ.

+ Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực ATLĐ.

- Bộ Y tế thực hiện quản lý Nhà nước trong lĩnh vực VSLĐ, có trách nhiệm:

+ Xây dựng, trình ban hành hoặc ban hành và quản lý thống nhất hệ thống quy phạm VSLĐ, tiêu chuẩn sức khỏe đối với các nghề, công việc.

+ Hướng dẫn, chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các quy định về VSLĐ.

+ Thanh tra về vệ sinh lao động.

+ Tổ chức khám sức khỏe và điều trị bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

+ Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực VSLĐ.

- Bộ Khoa học công nghệ và môi trường có trách nhiệm:

+ Quản lý thống nhất việc nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật về ATLĐ, VSLĐ.

+ Ban hành hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, quy cách các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động.

+ Phối hợp với Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế xây dựng, ban hành và quản lý thống nhất hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật Nhà nước về ATLĐ, VSLĐ.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo việc đưa nội dung ATLĐ, VSLĐ vào chương trình giảng dạy trong các trường Đại học, các trường Kỹ thuật, quản lý và dạy nghề.

- Các bộ và các ngành khác có trách nhiệm ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy phạm ATLĐ, VSLĐ cấp ngành mình sau khi có thỏa thuận bằng văn bản của Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế. Việc quản lý nhà nước về ATLĐ, VSLĐ trong các lĩnh vực: Phóng xạ, thăm dò khai thác dầu khí, các phương tiện vận tải đường sắt, đường bộ, đường hàng không và trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang do các cơ quan quản lý ngành đó chịu trách nhiệm có sự phối hợp của Bộ LĐTBXH và Bộ Y tế.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

+ Thực hiện quản lý Nhà nước về ATLĐ, VSLĐ trong phạm vi địa phương mình.

+ Xây dựng các mục tiêu đảm bảo an toàn, vệ sinh và cải thiện điều kiện lao động đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và ngân sách địa phương.

b/ Nghĩa vụ và Quyền của Người sử dụng lao động:

*Nghĩa vụ của Người sử dụng lao động : Điều 13 chương IV của NĐ06/CP quy định người sử dụng lao động có 7 nghĩa vụ sau:

1- Hàng năm khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của xí nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp ATLĐ, VSLĐ và cải thiện điều kiện lao động.

2- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ cá nhân và thực hiện các chế độ khác về BHLĐ đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.

3- Cử người giám sát việc thực hiện các quy định, nội dung, biện pháp ATLĐ, VSLĐ trong doanh nghiệp. Phối hợp với Công đoàn cơ sở xây dựng và duy trì sự hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

4- Xây dựng nội quy, quy trình ATLĐ, VSLĐ phù hợp với từng loại máy, thiết bị, vật tư kể cả khi đổi mới công nghệ theo tiêu chuẩn quy định của Nhà nước.

5- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định biện pháp an toàn, VSLĐ đối với người lao động.

6- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn, chế độ quy định.

7- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và định kỳ 6 tháng, hàng năm báo cáo kết quả, tình hình thực hiện ATLĐ, VSLĐ, cải thiện điều kiện lao động với Sở LĐTBXH nơi doanh nghiệp hoạt động.

* Quyền của Người sử dụng lao động:

Điều 14 chương IV của NĐ06/CP quy định người sử dụng lao động có 3 quyền sau:

1- Buộc người lao động phải tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp ATLĐ, VSLĐ.

2- Khen thưởng người chấp hành tốt và kỷ luật người vi phạm trong việc thực hiện ATLĐ, VSLĐ.

3- Khiếu nại với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định của Thanh tra về ATLĐ, VSLĐ nhưng vẫn phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định đó.

c/ Nghĩa vụ và Quyền của người lao động trong công tác BHLĐ:

* Nghĩa vụ của Người lao động:

Điều 15 chương IV Nghị định 06/CP quy định người lao động có 3 nghĩa vụ sau:

1- Chấp hành các quy định, nội quy về ATLĐ, VSLĐ có liên quan đến công việc, nhiệm vụ được giao.

2- Phải sử dụng và bảo quản các phương tiện bảo vệ cá nhân đã được trang bị, nếu làm mất hoặc hư hỏng thì phải bồi thường.

3- Phải báo cáo kịp thời với người có trách nhiệm khi phát hiện nguy cơ gây tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, gây độc hại hoặc sự cố nguy hiểm, tham gia cấp cứu và khắc phục hậu quả tai nạn lao động khi có lệnh của Người sử dụng lao động.

* Quyền của Người lao động:

Điều 16 chương IV Nghị định 06/CP quy định Người lao động có 3 quyền sau:

1- Yêu cầu Người sử dụng lao động đảm bảo điều kiện làm việc an toàn, vệ sinh, cải thiện điều kiện lao động, trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, huấn luyện, thực hiện biện pháp ATLĐ, VSLĐ.

2- Từ chối làm công việc hoặc rời bỏ nơi làm việc khi thấy rõ nguy cơ xảy ra tai nạn lao động, đe dọa nghiêm trọng tính mạng, sức khỏe của mình và phải báo ngay người phụ trách trực tiếp, từ chối trở lại làm việc nơi nói trên nếu những nguy cơ đó chưa được khắc phục.

3- Khiếu nại hoặc tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi Người sử dụng lao động vi phạm quy định của Nhà nước hoặc không thực hiện đúng các giao kết về ATLĐ, VSLĐ trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động.

d/ Tổ chức Công đoàn (gọi tắt là Công đoàn):

* Trách nhiệm và quyền của Công đoàn:

Căn cứ vào điều 156 của Bộ luật Lao động, điều 67 chương II luật Công đoàn năm 1990, các điều 20, 21 của NĐ 06/CP, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam đã cụ thể hóa các nghĩa vụ và quyền của Công đoàn về BHLĐ trong nghị quyết 01/TLĐ ngày 21/4/1995 của Đoàn chủ tịch với 8 nội dung sau:

1- Tham gia với các cấp chính quyền, cơ quan quản lý và Người sử dụng lao động xây dựng các văn bản pháp luật, các tiêu chuẩn an toàn VSLĐ, chế độ chính sách về BHLĐ, kế hoạch BHLĐ, các biện pháp đảm bảo an toàn và VSLĐ.

2- Tham gia với các cơ quan Nhà nước xây dựng chương trình BHLĐ quốc gia, tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, đề tài nghiên cứu KHKT về BHLĐ. Tổng Liên đoàn quản lý và chỉ đạo các Viện nghiên cứu KHKT BHLĐ tiến hành các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng KHKT BHLĐ.

3- Cử đại diện tham gia vào các đoàn điều tra tai nạn lao động, phối hợp theo dõi tình hình tai nạn lao động, cháy nổ, bệnh nghề nghiệp.

4- Tham gia việc xét khen thưởng, xử lý các vi phạm về BHLĐ.

5- Thay mặt Người lao động ký thỏa ước lao động tập thể với Người sử dụng lao động trong đó có các nội dung BHLĐ.

6- Thực hiện quyền kiểm tra giám sát việc thi hành luật pháp, chế độ, chính sách, tiêu chuẩn, quy định về BHLĐ, việc thực hiện các điều về BHLĐ trong thỏa ước tập thể đã ký với Người sử dụng lao động.

7- Tham gia tổ chức việc tuyên truyền phổ biến kiến thức ATVSLĐ, chế độ chính sách BHLĐ, Công đoàn giáo dục vận động mọi người lao động và người sử dụng lao động thực hiện tốt trách nhiệm, nghĩa vụ về BHLĐ. Tham gia huấn luyện BHLĐ cho người sử dụng lao động và người lao động, đào tạo kỹ sư và sau đại học về BHLĐ.

8- Tổ chức phong trào về BHLĐ, phát huy sáng kiến cải thiện điều kiện làm việc, tổ chức quản lý mạng lưới an toàn vệ sinh viên và những đoàn viên hoạt động tích cực về BHLĐ.

* Nhiệm vụ và quyền hạn của Công đoàn doanh nghiệp

MụcV thông tư liên tịch số14/1998/TTLT-BLĐTBXH-BYT-TLĐLĐVN ngày 31/10/1998 quy định Công đoàn doanh nghiệp có 5 nhiệm vụ và 3 quyền sau:

+ Nhiệm vụ:

1- Thay mặt người lao động ký thoả ước lao động tập thể với người sử dụng lao động trong đó có các nội dung BHLĐ.

2- Tuyên truyền vận động, giáo dục người lao động thực hiện tốt các quy định pháp luật về BHLĐ, kiến thức KHKT BHLĐ, chấp hành quy trình, quy phạm, các biện pháp làm việc an toàn và phát hiện kịp thời những hiện tượng thiếu an toàn vệ sinh trong sản xuất, đấu tranh với những hiện tượng làm bữa, làm ẩu, vi phạm qui trình kỹ thuật an toàn.

3- Động viên khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến cải tiến thiết bị, máy nhằm cải thiện môi trường làm việc, giảm nhẹ sức lao động.

4- Tổ chức lấy ý kiến tập thể người lao động tham gia xây dựng nội quy, quy chế quản lý về ATVSLĐ, xây dựng kế hoạch BHLĐ, đánh giá việc thực hiện các chế độ chính sách BHLĐ, biện pháp đảm bảo an toàn, sức khỏe người lao động. Tổng kết rút kinh nghiệm hoạt động BHLĐ của Công đoàn ở doanh nghiệp để tham gia với Người sử dụng lao động.

5- Phối hợp tổ chức các hoạt động để đẩy mạnh các phong trào bảo đảm an toàn VSLĐ, bồi dưỡng nghiệp vụ và các hoạt động BHLĐ đối với mạng lưới an toàn viên.

+ Quyền:

1- Tham gia xây dựng các quy chế, nội quy về quản lý BHLĐ, ATLĐ và VSLĐ với người sử dụng lao động.

2- Tham gia các đoàn kiểm tra công tác BHLĐ do doanh nghiệp tổ chức, tham gia các cuộc họp kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm tra, các đoàn điều tra tai nạn lao động.

3- Tham gia điều tra tai nạn lao động, nắm tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và việc thực hiện kế hoạch BHLĐ và các biện pháp đảm bảo an toàn, sức khỏe người lao động trong sản xuất. Đề xuất các biện pháp khắc phục thiếu sót, tồn tại.

1.5.2. Những vấn đề khác có liên quan đến công tác BHLĐ

1.5.2.1. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

Vấn đề này được quy định trong các điều 68, 70, 71, 72, 80, 81 chương XII Bộ luật Lao động, được quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành trong nghị định 195/CP ngày 31/12/1994 và thông tư số 07/LĐTBXH ngày 11/4/1995.

a/ Thời giờ làm việc:

- Thời gian làm việc không quá 8 giờ trong một ngày hoặc 40 giờ trong một tuần. Người sử dụng lao động có quyền quy định thời giờ làm việc theo ngày hoặc tuần và ngày nghỉ hàng tuần phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không được trái với quy định trên và phải thông báo trước cho người lao động biết.

- Thời giờ làm việc hàng ngày được rút ngắn từ một đến hai giờ đối với những người làm các công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo danh mục do Bộ LĐTBXH ban hành kèm theo quyết định số 1453/LĐTBXH-QĐ ngày 13/10/1995, số 915/LĐTBXH-QĐ ngày 30/7/1996 và số 1629/LĐTBXH ngày 26/12/1996.

- Người sử dụng lao động và người lao động có thể thoả thuận làm thêm giờ, nhưng không được quá 4 giờ/ngày và 200 giờ/năm. Đối với công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm người lao động không được làm thêm quá 3 giờ/ ngày và 9 giờ / tuần.

- Thời giờ tính làm việc ban đêm được quy định như sau:

+ Từ 22 đến 6 giờ sáng cho khu vực từ Thừa Thiên - Huế trở ra phía Bắc.

+ Từ 21 đến 5 giờ sáng cho khu vực từ Đà Nẵng trở vào phía Nam.

b/ Thời gian nghỉ ngơi

- Người lao động làm việc 8 giờ liên tục thì được nghỉ ít nhất nửa giờ, tính vào giờ làm việc.

- Người làm việc ca đêm được nghỉ giữa ca ít nhất 45 phút, tính vào giờ làm việc.

- Người làm việc theo ca được nghỉ ít nhất 12 giờ trước khi chuyển sang ca khác.

- Mỗi tuần người lao động được nghỉ ít nhất một ngày (24 giờ liên tục) có thể vào ngày chủ nhật hoặc một ngày cố định khác trong tuần.

- Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương những ngày lễ sau đây: Tết dương lịch: 1 ngày, tết âm lịch: 4 ngày, ngày chiến thắng (30/4 Dương lịch): 1 ngày, ngày Quốc tế lao động (1/5 Dương lịch): 1 ngày, ngày Quốc khánh (2/9): 1 ngày. Nếu những ngày nghỉ nói trên trùng vào ngày nghỉ hàng tuần thì người lao động được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

- Người lao động có 12 tháng làm việc tại một doanh nghiệp hoặc với một người sử dụng lao động thì được nghỉ phép hàng năm, hưởng nguyên lương theo quy định sau đây:

+ 12 ngày nghỉ phép, đối với người làm công việc trong điều kiện bình thường.

+ 14 ngày nghỉ phép, đối với người làm việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc những nơi có điều kiện sống khắc nghiệt và đối với người dưới 18 tuổi.

+ 16 ngày nghỉ phép, đối với người làm việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

- Người lao động được nghỉ về việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương trong những trường hợp sau: Kết hôn nghỉ 3 ngày, con kết hôn nghỉ một ngày, bố mẹ (cả bên vợ và bên chồng) chết, vợ hoặc chồng chết, con chết nghỉ 3 ngày.

1.5.2.2. Quy định về an toàn - vệ sinh lao động

a/ Lập luận chứng an toàn - vệ sinh lao động:

- Việc xây dựng mới hoặc mở rộng, cải tạo cơ sở để sản xuất, sử dụng, bảo quản, lưu giữ và tàng trữ các loại máy, thiết bị, vật tư, các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ, VSLĐ, phải có luận chứng về các biện pháp đảm bảo ATLĐ, VSLĐ đối với nơi làm việc của người lao động và môi trường xung quanh theo quy định của pháp luật.

- Việc sản xuất, sử dụng, bảo quản, vận chuyển các loại máy, thiết bị, vật tư, năng lượng, điện, hoá chất, việc thay đổi công nghệ, nhập khẩu công nghệ mới phải được thực hiện theo tiêu chuẩn ATLĐ, VSLĐ. Phải được khai báo, đăng ký và xin cấp giấy phép với cơ quan thanh tra nhà nước về ATLĐ, VSLĐ.

b/ Bồi thường tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp:

- Người sử dụng lao động phải chịu toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị xong cho người bị tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp. Người lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm bồi thường ít nhất bằng 30 tháng lương cho người lao động bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên hoặc cho thân nhân người chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà không do lỗi của người lao động. Trường hợp do lỗi của người lao động, thì cũng được trợ cấp một khoản tiền ít nhất bằng 12 tháng lương.

1.5.2.3. Bảo hộ lao động đối với lao động nữ, lao động vị thành niên, lao động tàn tật

a/ Đối với lao động nữ:

Lao động nữ có những đặc thù so với lao động nam, ngoài lao động còn có chức năng sinh đẻ, nuôi con. Điều 113 của Bộ luật Lao động, điều 11 của nghị định 23/CP

(18/4/19960), thông tư số 03/TTLB-LĐTBXH-BYT (28/11/1994) quy định các điều kiện lao động có hại và các công việc không được sử dụng lao động nữ. Nội dung chính của các điều và văn bản trên như sau:

- Người sử dụng lao động không được sử dụng người lao động nữ làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh đẻ và nuôi con.
- Doanh nghiệp đang sử dụng lao động nữ làm các công việc nói trên phải có kế hoạch đào tạo nghề, chuyển dần người lao động nữ sang công việc khác phù hợp, tăng cường các biện pháp bảo vệ sức khỏe, cải thiện điều kiện lao động hoặc giảm bớt thời giờ làm việc.

Ngoài ra còn một số văn bản hướng dẫn nội dung thực hiện chế độ đối với lao động nữ :

- Nghiêm cấm người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm danh dự và nhân phẩm phụ nữ. Phải thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam nữ về tuyển dụng, sử dụng, nâng bậc lương và trả công lao động.
- Người lao động nữ được nghỉ trước và sau khi sinh con là 6 tháng. Không được sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng làm thêm giờ, làm việc ban đêm và đi công tác xa. Trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng được nghỉ mỗi ngày 60 phút.
- Nơi có sử dụng lao động nữ phải có chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh nữ.
- Trong thời gian nghỉ việc để đi khám thai, do sảy thai, nghỉ để chăm sóc con dưới 7 tuổi ốm đau, người lao động được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội.

b/ Đối với lao động chưa thành niên:

Những vấn đề BHLĐ đối với lao động chưa thành niên (người lao động dưới 18 tuổi) được quy định trong các điều 121, 122 của Bộ luật Lao động và thông tư số 09/TTLT-LĐTBXH-BYT ngày 13/4/1995 bao gồm một số nội dung chính sau:

- Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng lao động chưa thành niên vào những công việc phù hợp với sức khỏe để đảm bảo cho sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách và có trách nhiệm quan tâm chăm sóc người lao động chưa thành niên về các mặt lao động, tiền lương, sức khỏe, học tập trong quá trình lao động. Cấm sử dụng người lao động chưa thành niên làm những công việc nặng nhọc, nguy hiểm hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.
- Thời giờ làm việc của lao động chưa thành niên không được quá 7 giờ / ngày. Người sử dụng lao động chỉ được sử dụng người lao động chưa thành niên làm thêm giờ, làm việc ban đêm trong một số nghề và công việc không nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.
- Nơi có sử dụng người lao động chưa thành niên phải lập sổ theo dõi riêng, ghi đầy đủ họ tên, ngày sinh, công việc đang làm, kết quả kiểm tra sức khỏe định kỳ.
- Nghiêm cấm nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, trừ 1 số nghề do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

c/ Đối với lao động là người tàn tật:

Nhà nước bảo hộ quyền làm việc của người tàn tật và có những quy định về ATLĐ, VSLĐ phù hợp với trạng thái sức khỏe của lao động là người tàn tật trong các điều 125, 126, 127 của Bộ luật Lao động. Cụ thể như sau:

- Nhà nước bảo hộ quyền làm việc của người tàn tật và khuyến khích việc thu nhận, tạo việc làm cho người tàn tật. Thời giờ làm việc của người tàn tật không quá 7 giờ/ ngày.

- Những nơi dạy nghề cho người tàn tật hoặc sử dụng lao động là người tàn tật phải tuân theo những quy định về điều kiện lao động, công cụ lao động, ATLĐ, VSLĐ phù hợp và thường xuyên chăm sóc sức khỏe của người tàn tật.
- Cấm sử dụng người tàn tật đã bị suy giảm khả năng lao động từ 51% trở lên làm thêm giờ, làm việc ban đêm

1.6. Những khái niệm cơ bản về BHLĐ

1.6.1. Điều kiện lao động

Điều kiện lao động là tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kỹ thuật, kinh tế, tổ chức thể hiện qua quy trình công nghệ, công cụ lao động, đối tượng lao động, môi trường lao động, con người lao động và sự tác động qua lại giữa chúng tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của con người trong quá trình sản xuất.

Điều kiện lao động có ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng con người. Những công cụ và phương tiện có tiện nghi, thuận lợi hay ngược lại gây khó khăn nguy hiểm cho người lao động, đối tượng lao động. Đối với quá trình công nghệ, trình độ cao hay thấp, thô sơ, lạc hậu hay hiện đại đều có tác động rất lớn đến người lao động. Môi trường lao động đa dạng, có nhiều yếu tố tiện nghi, thuận lợi hay ngược lại rất khắc nghiệt, độc hại, đều tác động rất lớn đến sức khỏe người lao động.

1.6.2. Các yếu tố nguy hiểm và có hại

Yếu tố nguy hiểm có hại là trong một điều kiện lao động cụ thể, bao giờ cũng xuất hiện các yếu tố vật chất có ảnh hưởng xấu, nguy hiểm, có nguy cơ gây tai nạn hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Cụ thể là:

- Các yếu tố vật lý như nhiệt độ, độ ẩm, tiếng ồn, rung động, các bức xạ có hại, bụi...
- Các yếu tố hoá học như hoá chất độc, các loại hơi, khí, bụi độc, các chất phóng xạ...
- Các yếu tố sinh vật, vi sinh vật như các loại vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng, côn trùng, rắn...
- Các yếu tố bất lợi về tư thế lao động, không tiện nghi do không gian chỗ làm việc, nhà xưởng chật hẹp, mất vệ sinh...
- Các yếu tố tâm lý không thuận lợi...

1.6.3. Tai nạn lao động

Tai nạn lao động là tai nạn gây tổn thương cho bất kỳ bộ phận, chức năng nào của cơ thể người lao động hoặc gây tử vong, xảy ra trong quá trình lao động, gắn liền với việc thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ lao động. Nhiễm độc đột ngột cũng là tai nạn lao động.

Tai nạn lao động được phân ra: Chấn thương, nhiễm độc nghề nghiệp và bệnh nghề nghiệp

* **Chấn thương:** Là tai nạn mà kết quả gây nên những vết thương hay huỷ hoại một phần cơ thể người lao động, làm tổn thương tạm thời hay mất khả năng lao động vĩnh viễn hay thậm chí gây tử vong. Chấn thương có tác dụng đột ngột.

* **Bệnh nghề nghiệp:** Là bệnh phát sinh do tác động của điều kiện lao động có hại, bất lợi (tiếng ồn, rung...) đối với người lao động. Bệnh nghề nghiệp làm suy yếu dần dần sức khỏe hay làm ảnh hưởng đến khả năng làm việc và sinh hoạt của người lao động. Bệnh nghề nghiệp làm suy yếu sức khỏe người lao động một cách dần dần và lâu dài.

* **Nhiễm độc nghề nghiệp:** là sự huỷ hoại sức khỏe do tác dụng của các chất độc xâm nhập vào cơ thể người lao động trong điều kiện sản xuất

CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Mục tiêu của công tác BHLĐ là gì?
2. Tính chất và nhiệm vụ của công tác HBLĐ là gì?
3. Trách nhiệm đối với công tác bảo hộ lao động như thế nào?
4. Nội dung của công tác bảo hộ lao động là gì?
5. Trình bày chế độ chính sách?
6. Phân tích các yếu tố nguy hiểm và có hại phát sinh trong quá trình sản xuất?
Cho các ví dụ?
7. Có mấy loại tai nạn lao động? Trình bày từng loại tai nạn lao động?